

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2018
V/v Tranh chấp
hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1982;

HKTT: Số 09 (số cũ 171/3B), hẻm số 4, P, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Số 237, đường V, khu phố F, Phường A, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đạt T, sinh năm 1976; trú tại: Số 09 (số cũ

171/3B), hẻm số 4, đường P, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-11-2017, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Vào năm 2002 chị và anh Nguyễn Đạt T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, đến ngày 13-01-2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã Tây Ninh (nay là phường S, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh; sau khi cưới vợ chồng về sống bên gia đình anh T; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Dương Trường T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Dương Trường T2, sinh năm 2006 hiện đang sống với anh T; chị yêu cầu được nuôi con, còn nếu ý kiến con theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại bản tự khai ngày 13-12-2017 anh Nguyễn Đạt T trình bày:

Vào khoảng năm 2003 vợ chồng anh cưới nhau, có đăng ký kết hôn; thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2012 xảy ra những mâu thuẫn nhỏ do vợ đi làm thường đi sớm về tối, có khi ngày chủ nhật cũng không ở nhà, có lần hai con thấy và anh cũng nghe có dư luận bên ngoài; nhưng vì chưa bắt gặp với lại còn thương vợ nên cố gắng bỏ qua cho gia đình êm ấm; bản thân anh chưa làm gì có lỗi với vợ, rất chung thủy và gia đình anh cũng chưa bao giờ đối xử tệ với vợ, vợ xin ly hôn là do tác động của bạn bè, đã bỏ nhà đi từ ngày 12 tháng 11 đến nay không biết ở đâu. Nay không đồng ý ly hôn, do còn thương vợ.

Về con chung khi ra tòa 02 con sẽ nói lên những gì biết được.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị M đối với anh Nguyễn Đạt T; con chung giao cho anh T nuôi; tài sản chung, nợ chung không giải quyết và chị M phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đạt T vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 13-01-2004 chị Dương Thị M và anh Nguyễn Đạt T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã Tây Ninh (nay là phường S, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh; là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên xin được ly hôn với anh T; anh T không đồng ý ly hôn, do còn thương vợ. Tại phiên tòa chị M khai do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn; còn anh T đã được triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện cho thấy anh T

không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M với anh, để thuyết phục chị M hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng lại với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M với anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Dương Thị M đối với anh Nguyễn Đạt T.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Dương Trường T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Dương Trường T2, sinh năm 2006 hiện đang sống với anh T; chị M yêu cầu được nuôi con còn nếu ý kiến các con theo ai thì người đó nuôi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-3-2018 có sự chứng kiến của chị M hai cháu T1 và T2 có nguyện vọng được sống với ba; tại phiên tòa chị M đồng ý giao con cho anh T nuôi. Đối chiếu khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy phù hợp với nguyện vọng của các cháu; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị M đối với anh Nguyễn Đạt T; con chung giao cho anh T nuôi, về cấp dưỡng do anh T vắng mặt nên không giải quyết; tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; chị M phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị M đối với anh Nguyễn Đạt T; chị Dương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Đạt T.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Dương Trường T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Dương Trường T2, sinh năm 2006 giao cho anh T nuôi; chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Án phí: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004802 ngày 16-11-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã (phường)

Nơi cư trú của đương sự;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Phan Tuyến